TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2025
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ông Phan Văn Trường

2. Bà Lường Thị Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị M, sinh năm 1973

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Đức Q, sinh năm 1972

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày:

Chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q chung sống với nhau từ năm 1992 trước khi chung sống anh chị được gia đình hai bên gia đình giới thiệu sau đó anh chị cũng tự nguyên về chung sống cùng nhau, được gia đình tổ chức lễ cưới

theo tập quán địa phương, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q sống tại thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng đối xử với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra và có với nhau hai người con chung, nhưng đến năm 1995 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do hai anh chị thường xuyên cãi nhau, anh Đặng Đức Q hay đi chơi và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, sau đó anh Đặng Đức Q đánh, đuổi chị ra khỏi nhà không cho chị về, vì thế chị không thể chung sống với anh Đặng Đức Q được nữa, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T, huyện B sinh sống từ năm 2023 cho đến nay, từ ngày chị về nhà bố mẹ đẻ vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, do chị và anh Đặng Đức Q lấy nhau không có đăng ký kết hôn, vì vậy chị Triệu Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Đặng Đức Q.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Đặng Thị L, sinh ngày 06/6/1993 và Đặng Đăng Q1, sinh năm 17/11/1995. Hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đặng Đức Q trình bày:*

Anh Đặng Đức Q và chị Triệu Thị M chung sống với nhau từ năm 1992, trước khi về chung sống được gia đình hai bên giới thiệu, sau đó hai bên tự nguyện về chung sống, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán của địa phương. Do không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng anh không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Triệu Thị M đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Giang, có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, không quan tâm gì đến gia đình, mặc dù anh và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Triệu Thị M không nghe, từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Hiện nay, anh Đặng Đức Q cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị Triệu Thị M1, chị Triệu Thị M yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Đặng Thị L, sinh ngày 06/6/1993 và Đặng Đăng Q1, sinh năm 17/11/1995. Hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị M đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không tiến hành hòa giải và đã Thông báo cho các đương sự biết về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Triệu Thị M và bị đơn anh Đặng Đức Q đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; trình bày ý kiến; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q là vợ chồng. Về con chung: Có hai người con chung tên là Đặng Thị L, sinh ngày 06/6/1993 và Đặng Đăng Q1, sinh năm 17/11/1995, hiện nay đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có, không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Triệu Thị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với anh Đặng Đức Q, quá trình giải quyết vụ án cả chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q đều trình bày là vợ chồng anh chị không có đăng ký kết hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Không công nhận vợ chồng " theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Đức Q có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã V, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q đã chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tình cảm: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q chung sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 1992, sau khi về chung sống cùng nhau, do không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống không tin tưởng nhau. Ngày 24 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, kết quả xác minh, qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Triệu Thị M với anh Đặng Đức Q. Vì vậy, chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định*: "b) N và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q là vợ chồng.

[5] Về con chung: Có hai người con chung tên là Đặng Thị L, sinh ngày 06/6/1993 và Đặng Đăng Q1, sinh năm 17/11/1995. Hiện nay đều đã trưởng thành, chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Cả chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q đều trình bày là không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q đều trình bày là không có, nên không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Triệu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Triệu Thị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004131 ngày 23/12/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Triệu Thị M và anh Đặng Đức Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai người con chung tên là Đặng Thị L, sinh ngày 06/6/1993 và Đặng Đăng Q1, sinh năm 17/11/1995, đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Buộc chị Triệu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Triệu Thị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004131 ngày 23/12/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Triệu Thị M đã thi hành xong.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị M và bị đơn anh Đặng Đức Q có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Trường Lường Thị Trang Dương Thị Ngọc